

Bản án số: 37/2021/HNGĐ- ST.
Ngày: 16/8/2021.
V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN – TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Lương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đăng Hùng;
2. Bà Nguyễn Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Đoàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên .

Ngày 16/8/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2021/TLST - HNGĐ ngày 20/4/2021 về ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐXX - ST ngày 04/8/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ma Thị H - Sinh năm 1973."có mặt".

HKTT: Tổ 10, phường N T, thành phố Đ B P, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn Kh - Sinh năm 1970."có mặt".

HKTT: Xã Vũ Tiến, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

Đều trú tại: Đội 23 (Bản Tông Khao), xã T N, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 20/4/2021 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Đ B, chị Ma Thị H (nguyên đơn) trình bày:

1. *Về hôn nhân:* Tôi và anh Khanh lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường N T, thành phố Đ B P, tỉnh Điện Biên từ ngày 17/01/2011. Trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Khanh chơi bời, nghiện ma túy. Tôi đã khuyên anh Khanh đi cai nghiện ma túy nhưng anh Khanh không nghe nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ, cũng được gia đình khuyên ngăn không được và ngày càng nghiện nặng, xét thấy không thể chung sống với nhau được nữa vì vậy tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Khanh.

2. *Về con chung:* Không có.

3. *Về tài sản:* Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

Tại bản tự khai ngày 22/7/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án (bị đơn) anh Trần Văn Kh trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và cô Huệ lấy nhau đều tự nguyện, không ai bị ép buộc có đăng ký kết hôn từ năm 2011 tại UBND phường N T, thành phố Đ B P, tỉnh Điện Biên. Vợ chồng chung sống với nhau không có khúc mắc gì, thời gian gần đây hai vợ chồng chỉ có mâu thuẫn nhỏ và do áp lực của con riêng của vợ nên vợ tôi có ý định ly hôn chứ hai vợ chồng không có vấn đề gì. Tôi muốn vợ tôi rút đơn chứ tôi không muốn ly hôn, còn vợ tôi nhất quyết ly hôn thì Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Không có.

Về tài sản:

Nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

Tài sản chung: Nhà đất của chồng cũ vợ tôi từ trước để lại, tôi có công tu sửa nhà cửa, sau đó vợ tôi bán đi mua chỗ khác và làm nhà ở như hiện nay, tôi cũng có công sức đóng góp trong việc làm nhà ở hiện nay, tôi chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xác nhận tình trạng hôn nhân của UBND phường N T đã xác định sau khi đăng ký kết hôn hai vợ chồng ở với nhau một thời gian, sau đó hai vợ chồng sống không hạnh phúc. Còn anh Khanh là đối tượng nghiện ma túy, đang ở nhà.

Án phí: Căn cứ Điều 147/BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Nguyên đơn phải nộp 300.000đ án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật:

Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Ma Thị H, Tòa án xác định đây là vụ án: Tranh chấp ly hôn.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Huệ xin ly hôn với anh Khanh, anh Khai có hộ khẩu thường trú tại xã T N, huyện Đ B, tỉnh Điện, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ B theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

[3]. Về điều luật áp dụng: Chị Huệ và anh Khanh kết hôn năm 2011, đến năm 2021 thì chị Huệ khởi kiện xin ly hôn, nên Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huệ và anh Khanh lấy nhau có đăng ký kết hôn. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống do anh Khanh nghiện ma túy dẫn đến hai người thường xuyên xảy ra cãi cọ, mâu thuẫn và ngày càng xảy ra nhiều mâu thuẫn hơn. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Huệ và anh Khanh đang trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị Huệ xác định tình cảm của mình đối với anh Khanh không còn

nữa, hai người không còn thể hiện sự quan tâm đến nhau. Tại phiên tòa chị Huệ vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh Khanh. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của đương sự và để giải phóng cho chị Huệ khỏi tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Huệ và áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 xử cho ly hôn giữa chị Ma Thị H và anh Trần Văn Kh.

[5]. Về con chung: Không có.

[6]. Về tài sản:

[6.1]. Nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

[6.2]. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Huệ phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm, chị Huệ đã nộp 300.000đ theo biên lai số: 0004769 ngày 20/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B, chị Huệ đã nộp đủ án phí DSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 235; Điều 264 và Điều 267/BLTTDS (Năm 2015);

- Áp dụng: Các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình;

1- Tuyên xử: Cho chị Ma Thị H được ly hôn với anh Trần Văn Kh.

2 - Về con chung: Không có.

3- Về Tài sản: Không xem xét, giải quyết.

4- Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Huệ phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm, chị Huệ đã nộp 300.000đ theo biên lai số: 0004769 ngày 20/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B, chị Huệ đã nộp đủ án phí DSST.

5- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKS huyện Đ B;
- Chi cục THSDS H.ĐB;
- Các đương sự;
- UBND phường N T, TPĐBP;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Lương

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA

HỘI THẨM NHÂN DÂN

Nguyễn Đăng Hùng

Lường Văn Lương

Nguyễn Thị Phương

